

Bản án số: 276/2018/HC-PT
Ngày 06 - 8 - 2018
V/v Giải quyết khiếu nại và thu hồi hủy
bỏ quyết định giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười.

Ông Đặng An Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị B2 Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bùi Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2017/TLPT-HC ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc “khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định thu hồi, hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2017/HC-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 986/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Nguyễn Văn B, sinh năm: 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A 1, xã C, huyện D, tỉnh Long An.

Người B4 vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Bùi Thị Mỹ L
- Công ty luật TNHH C1 thuộc Đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Minh T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1970 (có mặt);

- Địa chỉ: Ấp A 1, xã C, huyện D, tỉnh Long An.
- 2/ Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1966 (có mặt);
Địa chỉ: Phường E, thành phố F, tỉnh Long An.
- 3/ Nguyễn Văn D1, sinh năm : 1946 (có mặt);
Địa chỉ: xã G, huyện H, tỉnh Long An
- 4/ Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1956 (có mặt);
Địa chỉ: xã K, huyện L, thành phố Hồ Chí Minh.
- 5/ Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1958 (có mặt);
Địa chỉ: xã M, huyện C2, tỉnh Tây Ninh.
- 6/ Nguyễn Thị M1, sinh năm: 1963 (có mặt);
Địa chỉ: xã K1, huyện D, tỉnh Long An.
- 7/ Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1955 (vắng mặt);
Địa chỉ: xã D2, huyện D, tỉnh Long An.
- 8/ Nguyễn Thị Kim A1, sinh năm: 1982 (vắng mặt);
Địa chỉ: xã B1, huyện D, tỉnh Long An.
- 9/ Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1985 (đồng đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị Kim A1) (có mặt).
Địa chỉ: ấp Hậu Hòa, xã D2, huyện D, tỉnh Long An.
- 10/ Phạm Văn Dân, sinh năm: 1963 (vắng mặt);
- 11/ Phạm Văn Minh, sinh năm: 1978 (vắng mặt);
- 12/ Phạm Văn Hường, sinh năm: 1970 (vắng mặt);
- 13/ Phạm Văn Chí, sinh năm: 1980 (vắng mặt);
- 14/ Phạm Thị Ngọc L1, sinh năm: 1980 (vắng mặt);
- 15/ Phạm Văn B4, sinh năm: 1968 (đồng đại diện theo ủy quyền của Phạm Văn Dân, Phạm Văn Minh, Phạm Văn Hường, Phạm Văn Chí, Phạm Thị Ngọc L1) (có mặt);
Cùng địa chỉ: : Ấp A 1, xã C, huyện D, tỉnh Long An.
- 16/ Nguyễn Thị Đ2, sinh năm: 1951 (vắng mặt);
- 17/ Nguyễn Minh T4, sinh năm: 1975 (vắng mặt);
- 18/ Nguyễn Thành N, sinh năm: 1977 (vắng mặt);
- 19/ Nguyễn Điệp K2, sinh năm: 1970 (vắng mặt);
- 20/ Nguyễn Căn T5, sinh năm: 1989 (vắng mặt);
- 21/ Nguyễn Phúc L1, sinh năm: 1986 (vắng mặt);
- 22/ Nguyễn Thị Ngọc B2, sinh năm: 1994 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A 1, xã C, huyện D, tỉnh Long An.

23/ Nguyễn Viễn K3, sinh năm: 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: xã M, huyện C2, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan các (ông, bà) Nguyễn Văn T1; Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn D1; Nguyễn Văn T3; Phạm Văn B4; Nguyễn Thị M1; Nguyễn Thị Đ kháng cáo bản án sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện trình bày:

Vào năm 1987-1988, ông Nguyễn Văn B là con trai út ở chung cha mẹ là ông Nguyễn Văn C3 và bà Nguyễn Thị N1, khai khẩn thửa đất 396 diện tích 5.029m² thuộc tờ bản đồ số 28 tọa lạc ấp A 1, xã C, huyện D, tỉnh Long An. Ông B canh tác đến năm 1990, tập đoàn lấy cấp cho ông H1. Ông B tranh chấp và được trả lại nên ông B canh tác cho đến nay. Năm 2009-2010 anh em phát sinh tranh chấp yêu cầu chia thừa kế đối với thửa 396. Lúc này, ông B khiếu nại về việc mẹ là bà Nguyễn Thị N1 được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 36.588m² trong đó có thửa 396 và Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 4222/QĐ-CT giải quyết khiếu nại của ông B. Ngày 25/7/2013, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 5366/QĐ-UBNDT về việc thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cấp không đúng đối tượng. Do các anh chị em của ông B khiếu nại nên ngày 17/4/2014 Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 3080/QĐ-CT (sau đây gọi là Quyết định số 3080) và Quyết định 3079/QĐ-CT (sau đây gọi là Quyết định số 3079) nội dung thu hồi hủy bỏ Thông báo số 1877 ngày 25/6/2012 và Quyết định số 4222/QĐ-CT ngày 17/8/2012 của Chủ tịch UBND huyện D đồng thời hủy bỏ Quyết định số 5633/QĐ-UBND ngày 25/7/2013 của Ủy ban nhân dân huyện D. Ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 3080 và Quyết định 3079 cùng ngày 17/4/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N1 lý do thửa đất số 396 là của ông Nguyễn Văn B.

Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D có văn bản trình bày:

Ngày 06/12/1997, Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N1 36.588m² trong đó có thửa 396. Ngày 25/6/2012, Ủy ban nhân dân huyện D có Thông báo số 1877/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại của ông B. Ngày 17/8/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 4222/QĐ-CT nội dung chấp nhận khiếu nại của ông B. Ngày 25/7/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định 5633/QĐ-UBND, nội dung thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị N1, lý do nguồn gốc đất do ông B khai khẩn mà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N1 là chưa đúng quy định pháp luật. Sau đó các anh em của ông B ủy quyền cho ông Nguyễn Văn D1 khiếu nại,

ngày 17/4/2014 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định 3079/QĐ-CT và Quyết định số 3080/QĐ-CT nội dung thu hồi hủy bỏ Thông báo số 1877/TB-UBND ngày 25/6/2012 và Quyết định số 4222/QĐ-CT ngày 17/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D đồng thời hủy bỏ Quyết định số 5633/QĐ-UBND ngày 25/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D khẳng định việc ban hành Quyết định 3079/QĐ-CT và Quyết định số 3080/QĐ-CT là hoàn toàn đúng trình tự pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Phạm Văn B4 trình bày:

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là những người đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị N1 và ông Nguyễn Văn C3. Tất cả đều xác định thửa 396 diện tích 5.029m² là của bà Nguyễn Thị N1. Ông Nguyễn Văn B cho rằng thửa 396 do ông B khai khẩn là hoàn toàn không có căn cứ. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định 3079/QĐ-CT và Quyết định số 3080/QĐ-CT là hoàn toàn đúng trình tự pháp luật. Tất cả có ý kiến đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Nguyễn Căn T5, Nguyễn Phúc L1, Nguyễn Viễn K3, Nguyễn Minh T4, Nguyễn Thành N, Lê Thị Đ2 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Đ2 là vợ của ông Nguyễn Văn O1; ông L1, ông T4, ông N, ông K3 và ông T5 là các con của ông Nguyễn Văn O1. Hiện ông O1 đã chết nên bà Đ2 và các con không tranh chấp gì đối với thửa 396 với ông Nguyễn Văn B. Do đó, bà Đ2 cùng đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn O1 không có ý kiến gì đối với vụ kiện hành chính của ông Nguyễn Văn B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim P là vợ của ông Nguyễn Văn B, bà P thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2017/HC-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 106 Luật đất đai; Điều 9 và Điều 18 Luật khiếu nại; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Hủy các Quyết định:

- Quyết định số 3079/QĐ-CT ngày 17/4/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện D về việc thu hồi, hủy bỏ Thông báo số 1877/TB-UBND ngày

25/6/2012 và Quyết định 4222/QĐ-CT ngày 17/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D;

- Quyết định số 3080/QĐ-CT, ngày 17/4/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông bà Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Văn T1 (ủy quyền ông Nguyễn Văn D1), đất tọa lạc tại xã C, huyện D, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/8/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Nguyễn Văn T1; Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn D1; Nguyễn Văn T3; Phạm Văn B4; Nguyễn Thị M1; Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo không rút đơn kháng cáo và người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Trong phần tranh luận, những người kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông B giữ nguyên các Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện D tỉnh Long An.

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn B trình bày tranh luận: ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư B4 vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B trình bày quan điểm tranh luận cho rằng việc ban hành các quyết định bị kiện trong vụ án này của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D là không đúng về cả hình thức cũng như nội dung. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bác yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Xét về nội dung vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc xác định và đánh giá chứng cứ, cụ thể: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của ông B để xác định nguồn gốc đất do ông B khai khẩn năm 1987-1988 nhưng thực tế thời gian này ông B đang chấp hành hình phạt tù, đồng thời những người biết việc cũng xác định cũng xác định vùng đất này là đất bung được người dân đưa vào khai khẩn từ năm 1980 đến năm 1983 thì đưa vào tập đoàn sản xuất và khoán lại cho các hộ, trong đó có hộ ông C3, bà N1; Tòa cấp sơ thẩm căn cứ việc người bị kiện thừa nhận có sai sót một số thao tác trong quá trình cấp giấy chứng nhận cho bà N1 nhưng lại không chú ý đến thực tế là bà N1 không biết chữ nên khi đi kê khai đã dẫn theo con là ông Nguyễn Văn Đ để viết thay; Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các Quyết định hành chính bị kiện sai về nội dung, xác định sai nguồn gốc thửa đất tranh chấp nhưng nguồn gốc thửa 396 là của hộ bà N1, về thức thức, Tòa sơ thẩm rằng các quyết định này

chưa căn cứ đúng quy định pháp luật nhưng vụ kiện này tranh chấp kéo dài từ 2007, trong khoảng thời gian này có nhiều Văn bản quy phạm pháp luật ra đời điều chỉnh những vấn đề tương tự nên không tránh khỏi có sai sót trong việc áp dụng, đây chỉ là lỗi hình thức, không nghiêm trọng; Ông O1, ông T1 đã thay đổi lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, xác định đất của cha mẹ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông bà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự được thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nhận định, đánh giá chứng cứ và phán quyết của bản án sơ thẩm:

[2.1] Căn cứ yêu cầu trình bày của các đương sự và các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện: nội dung vụ việc là người khởi kiện Nguyễn Văn B cho rằng Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị N1 đối với diện tích 5.029m² thửa 396, tờ bản đồ số 28 là chưa đúng đối tượng. Ông Nguyễn Văn B khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 4222/QĐ-CT ngày 17/8/2012 nội dung chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Văn B và Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 3633/QĐ-UBND ngày 25/7/2013 nội dung thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị N1. Lúc này, các anh em của ông B khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D lại tiếp tục ban hành Quyết định số 3080/QĐ-CT ngày 17/4/2014 nội dung chấp nhận khiếu nại của các anh em ông B gồm ông D1, ông Đ, ông T1, bà M1 và bà Đ và hủy bỏ Quyết định 5633/QĐ-UBND ngày 25/7/2013 của Ủy ban nhân dân huyện D. Lý do nội dung khiếu nại có cơ sở xem xét. Đồng thời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định 3079/QĐ-CT nội dung thu hồi, hủy bỏ Thông báo thụ lý đơn số 1877/TB-UBND ngày 25/6/2012 và Quyết định số 4222/QĐ-CT ngày 17/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D với lý do ban hành không đúng quy định pháp luật. Do không đồng ý với các Quyết định 3079/QĐ-CT và 3080/QĐ-CT cùng ngày 17/4/2014 nên ngày 26/11/2014, ông Nguyễn Văn B đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện D. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất về một số nội dung nên dẫn đến tranh chấp cụ thể như sau:

Người khởi kiện trình bày ông là con trai út ở chung cha mẹ là ông Nguyễn Văn C3 và bà Nguyễn Thị N1 vào năm 1987-1988. Ông B cho rằng chính ông khai khẩn thửa đất 396 diện tích 5.029m² thuộc tờ bản đồ số 28 tọa lạc ấp A 1, xã C, huyện D, tỉnh Long An. Ông B canh tác đến năm 1990, tập đoàn lấy cấp cho ông H1. Ông B tranh chấp và được trả lại nên ông B canh tác cho đến nay. Năm 2009-2010, anh em phát sinh tranh chấp yêu cầu chia thừa kế đối với thửa 396. Lúc này,

ông B khiếu nại về việc mẹ là bà Nguyễn Thị N1 được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 36.588m² trong đó có thửa 396 và sự việc diễn ra như đã nêu ở trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa bác đơn khởi kiện của ông B.

[2.2] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Theo công văn ngày 3412 ngày 30/6/2015 của Ủy ban nhân dân huyện D đã xác định: “Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N1 thể hiện có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 5/8/1997 ông Đ ký thay bà N1, trong hồ sơ cấp giấy không thể hiện văn bản ủy quyền của bà N1... Lý do thu hồi Quyết định 5633/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị N1 căn cứ và Quyết định 4222/QĐ-CT ngày 17/8/2012 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Văn B, Ủy ban nhân dân huyện D cho là chưa phù hợp pháp luật (vì thời hiệu khiếu nại đã hết nhưng UBND huyện thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B là không đúng quy định)”. Ủy ban nhân dân huyện D xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N1 là sai nhưng lại không thu hồi, hủy bỏ kịp thời là chưa thể hiện đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện D còn đưa ra lập luận cho rằng đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N1 mà ông B khiếu nại có 5.029m² của ông B là không có cơ sở chấp nhận. Việc này thể hiện Ủy ban nhân dân huyện D đã tự đưa ra phán quyết về sự tranh chấp giữa ông B và bà N1 khi chưa có cơ quan có thẩm quyền nào giải quyết việc tranh chấp nêu trên là không đúng. Hơn nữa, khi có việc tranh chấp của ông B về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N1 thì bà N1 đã qua đời. Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “việc cấp giấy cho bà N1 thì ... thời hiệu khiếu nại phải được tính kể từ ngày ông B biết được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà N1 theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại chứ không thể tính thời hiệu khiếu nại kể từ ngày cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N1. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện D đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N1 là sai thì phải có trách nhiệm thu hồi, hủy bỏ ... Lời trình bày của người B4 về quyền và lợi ích của Ủy ban nhân dân huyện D và lời trình bày của Luật sư B4 về quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định dù Quyết định 3079/QĐ-CT và 3080/QĐ-CT cùng ngày 17/4/2014 dù có sai sót nhưng đề nghị giữ nguyên quyết định là không thể xem xét chấp nhận”. Từ nhận định này phán xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông B là có căn cứ, đúng pháp luật. Hơn nữa, Tòa sơ thẩm cũng không xét xử về phần dân sự để xác định diện tích 5.029m² đất cấp trong sổ đỏ của bà N1 là thuộc quyền sở hữu của ông B. Mặc khác, sau khi xét xử sơ thẩm, phía người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện D tỉnh Long An chấp nhận quyết định của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo. Từ đó, đủ cơ sở để xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N1 cũng như cho ông B cần phải được làm lại

cho đúng thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành.

[3] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ và làm rõ những tình tiết trong vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp thẩm không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của các ông, bà Nguyễn Văn T1; Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn D1; Nguyễn Văn T3; Phạm Văn B4; Nguyễn Thị M1; Nguyễn Thị Đ. Giữ nguyên án sơ thẩm

Về án phí hành chính phúc thẩm: Những người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Bộ luật Tố tụng hành chính năm 2015;

I. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của các ông, bà Nguyễn Văn T1; Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn D1; Nguyễn Văn T3; Phạm Văn B4; Nguyễn Thị M1; Nguyễn Thị Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 106 Luật Đất đai; Điều 9 và Điều 18 Luật Khiếu nại; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Hủy các Quyết định:

- Quyết định số 3079/QĐ-CT ngày 17/4/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện D về việc thu hồi, hủy bỏ Thông báo số 1877/TB-UBND ngày 25/6/2012 và Quyết định 4222/QĐ-CT ngày 17/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D;

- Quyết định số 3080/QĐ-CT, ngày 17/4/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông bà Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Văn T1 (ủy quyền ông Nguyễn Văn D1), đất tọa lạc tại xã C, huyện D, tỉnh Long An.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: các ông, bà Nguyễn Văn T1; Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Văn D1; Nguyễn Văn T3; Phạm Văn B4; Nguyễn Thị M1; Nguyễn Thị Đ mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 09764, 09766, 09765, 09769, 09770, 09768, 09767 cùng ngày 16/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An (1);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An (1);
- Các đương sự;
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án (1), NTBP, 19.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên